

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng.

Ông Nguyễn Văn Khóa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Thùy  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “ *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* ”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐ-ST ngày 22/4/2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Th**, sinh năm 1994.

HKTT: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Khu dân cư G, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình L**, sinh năm 1989.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại : Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Nguyên đơn chị **Trần Thị Th** trình bày: Chị và anh L tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C (nay là phường Đ, thành phố C) ngày 25/4/2012. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L không có

lập trường, vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đầu năm 2015 chị về nhà bố mẹ đẻ ở và sinh con thứ hai, đến cuối năm 2015 anh L đi nước ngoài không quan tâm đến mẹ con chị. Vợ chồng sống ly thân hơn 5 năm không ai quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị có 2 con chung là Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 07/5/2013 hiện đang ở với bà nội là Nguyễn Thị L và con chung Nguyễn Thị Bích Ph, sinh ngày 20/01/2015 hiện đang ở với chị. Nay chị có quan điểm mỗi người nuôi một con, trong thời gian anh L không ở Việt Nam chị đồng ý để cháu M sống cùng ông bà nội. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án lấy lời khai của bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của anh Nguyễn Đình L, đồng thời yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh L ở nước ngoài nhưng bà L không biết địa chỉ nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh L thường xuyên liên lạc về gia đình qua điện thoại. Bà L xác định vợ chồng anh L, chị Th sống không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng sống xa cách, thiếu thôn tình cảm dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh L biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà L xác định đã thông tin cho anh L biết. Anh L có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh L đề nghị được nuôi con chung là Nguyễn Thị Hà M, còn để chị Th nuôi con là Nguyễn Thị Bích Ph. Trong thời gian vắng mặt tại Việt Nam anh ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng con chung hộ anh. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị giải quyết và đề nghị được giải quyết vắng mặt. Bà L đồng ý nhận ủy quyền của anh L, thay anh L chăm sóc cháu Nguyễn Thị Hà M trong thời gian anh L không có mặt tại Việt Nam.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Th, anh L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C (nay là UBND phường Đ, thành phố C), hiện tại anh L đang ở nước ngoài, chị Th đã về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Nay chị Th có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung của chị Th, anh L là Nguyễn Thị Hà M có nguyện vọng được ở với bố là Nguyễn Đình L, do bố cháu không ở Việt Nam nên cháu M có nguyện vọng được ở với ông bà nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn thực

hiện chưa đúng quy định của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Thư được ly hôn anh L. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Bích Ph, sinh ngày 20/01/2015 cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 07/5/2013 cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Đình L hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), địa chỉ trước khi xuất cảnh tại Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương nên Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lượng có quan điểm ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ thay anh nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Hà M, nên TAND tỉnh Hải Dương xác định bà L tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do chị Th không cung cấp được địa chỉ của anh L ở nước ngoài, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu gia đình anh L cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh L không có mặt để giải quyết vụ án. Chị Th, bà L có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Đình L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Lạc, thị xã C (nay là phường Đ, thành phố C) ngày 25/4/2012, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, trước khi anh L đi nước ngoài, chị Th đã đưa con về nhà ngoại ở, vợ chồng không có quan điểm chung và sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Thông qua gia đình, anh L có quan điểm chị Th có đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Th, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua các chứng cứ như quan điểm của chính quyền địa phương, đại diện gia đình và lời khai của các đương sự. Do vậy cần xử cho chị Th ly hôn anh Lượng là phù hợp với các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Đình L có 02 con chung là Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 07/5/2013 và Nguyễn Thị Bích Ph, sinh ngày 20/01/2015. Xét thấy, thực tế cháu M đang ở với ông bà nội và có nguyện vọng được ở với anh L và ông bà nội. Bà L (mẹ anh L) có quan điểm đồng ý chăm sóc cháu M thay anh L trong thời gian anh L không ở Việt Nam. Chị Th đồng ý để cháu M ở với ông bà nội. Trong thời gian cháu M ở với ông bà nội, cháu được học tập và phát triển tốt. HĐXX giao cho anh L nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Hà M và tạm giao cho bà Nguyễn Thị L nuôi dưỡng cháu M trong thời gian anh L ở nước ngoài. Giao cho chị Th nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Bích Ph. Như vậy là phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự và bảo đảm được quyền lợi của các con chung, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Trần Thị Th** ly hôn anh **Nguyễn Đình L**.
2. Về quan hệ nuôi con: Giao cho chị Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Bích Ph, sinh ngày 20/01/2015. Giao cho anh Nguyễn Đình L nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 07/5/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Tạm giao cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu là Nguyễn Thị Hà M trong thời gian anh Nguyễn Đình L ở nước ngoài.

Không ai được cản trở chị Th, anh L thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình), được đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

AA/2018/0005725 ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đình L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ, TP C;
- UBND phường T, TP C;
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng, Tòa GD và NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Minh Tân**